

VỪA ĐI VỪA CHÉP — RA BẮC — Tiết 5

16/6/2001

Bây giờ bắt đầu hành trình về Hà Nội. Từ thành phố Thái Nguyên về Hà Nội xa 81 km. Nếu như ở Lạng Sơn đường phẳng lìn, ở Cao Bằng nghiêng nghiêng một chút thì ở Thái Nguyên về Hà Nội đường láng nhựa rộng thênh.

Ngoại thành Hà Nội trời âm u, không mưa nhưng lạnh. Gió đồng bằng đập vào hơi thở anh em từ vùng cao về nghe man mác nước. Sông Hồng Hà vẫn êm ả như sáu năm trước tôi đã qua đây. Vùng ngoại thành từ Sóc Sơn, Đông Anh ruộng lúa rộng mênh mông. Về đây đã thấy người ngoại thành Hà Nội thu hoạch lúa xuân hè xong, không giống vùng cao chúng tôi vừa mới đi qua nay lúa mới ngã đòng, có nơi lúa mới chỉ ngã ngọn chuyển sang thì con gái, xanh mượt một màu xanh lúa nước.

Ngang qua đường lên Sơn Tây, chà, lại nhớ "*Đôi mắt người Sơn Tây*" của Quang Dũng mà một thời học Sư phạm tại Quy Nhơn ôm đàn hát nghêu ngao cùng với bạn bè trước khi lên với Tây nguyên. Tôi lẩm nhẩm:

*Em ở Sầm Sơn chạy giặc về
Tôi từ chinh chiến cũng ra đi
Cách biệt bao ngày quê bất bực
Rừng xanh không thấy chôn Ba Vi...
Đôi mắt người Sơn Tây
U uẩn chiều biên biệt...*

Về đến ngoại thành Hà Nội nghĩ rằng dọc theo hành trình của chúng tôi là đường núi đèo hiểm trở, nhiều đoạn phải qua cua, ngoặc liên tục, có đoạn phải nín thở chứ không giống. Bạn hãy đến một lần sẽ rõ!

Vào Hà Nội trời đã đang trưa, tôi cùng với Kim Huyền, Khiêm, Thắng dạo quanh bờ hồ Hoàn Kiếm. Trời nóng bức, hâm hấp. Những tia nắng dội xuống mặt hồ loang loáng. Vào đền Ngọc Sơn núp dưới gốc đa già, cành lá sum suê, ngồi trên ghế đá lại nhớ nỗi lòng hoài cổ của một nhà thơ nữ:

*Tạo hoá gây chi cuộc hí trường
Đến nay thấm thoát mấy tình sương
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương
Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt
Nước còn chau mặt với tang thương
Nghìn năm gương cũ soi kim cổ
Cảnh đấy, người đây luống đoạn trường.*

Hà Nội xưa nay đã có nhiều tên gọi khác nhau. Hồi Bắc thuộc gọi là Long Biên là Ly sở Giao Châu thời bấy giờ. Năm 791, Triệu Xương, thứ sử Tàu đặt lại tên mới là Đại La thành. Năm 867, Cao Biền cho tu sửa lại, nơi rộng thêm ra. Năm 980 Hà Nội là quận Giao Chỉ. Năm 1010 vua Lý Thái Tổ đóng đô vùng Đại La đổi tên là Thăng Long thành, và xây một bờ tường chu vi 1.700 mét quanh thành. Trong thành có đắp ụ cao phòng ngự như ở phía bắc có Nùng Sơn, Tam Sơn. Ở phía tây có Khán Sơn. Ở phía đông có Thái Hoà.

Đời nhà Trần đóng đô ở Thăng long và đã có lần bị quân Nguyên chiếm đóng trong 5 tháng sau đó mới lấy lại được thành.

Năm 1467, Thăng Long đổi tên là Đông Đô để không trùng với tên Tây Đô của nhà Hồ ở Thanh Hoá. Sau đây quân Minh sang chiếm đóng nước ta cho đến khi Lê Lợi khởi nghĩa đánh đuổi được giặc, đóng đô tại Đông Đô và đổi tên thành Đông Kinh.

Đến đời nhà Mạc, Đông Kinh đổi lại là Đông Đô. Đời vua Quang Trung, Hà Nội gọi là Bắc thành. Đời vua Gia Long kinh đô ở Phú Xuân (Huế) thì Hà Nội là Bắc thành Tổng trấn. Sau khi xây đắp thành theo kiến trúc Pháp, Hà Nội lại gọi là Thăng Long.

Năm 1831 Thăng Long đổi thành tỉnh lỵ Hà Nội. Ngày 1/10/1888 có chỉ dụ nhường Hà Nội cho Pháp làm thuộc địa.

Năm 1945, cách mạng Tháng Tám thành công. Hà Nội chính thức là thủ đô của nước Việt Nam.

Hà Nội có nhiều thắng cảnh nổi tiếng; hồ thì có hồ Trúc Bạch, Tây hồ, hồ Hoàn Kiếm; đền thì có đền Ngọc Sơn. Cổ kính có Văn miếu, Chùa một cột, Trấn Ba Đình...mỗi nơi có một vẻ đẹp riêng.

Về Hồ Tây, mang đậm nét văn hoá dân gian. Hồ Tây là hội tụ nhiều chủ đề văn hoá thông qua truyền thuyết, thần thoại cổ như *Lạc Long quân diệt hồ tinh*. Chuyện rằng nơi đây có ngọn núi nhỏ, trong hang có con cáo trắng chín đuôi nhiều hại dân lành. Lạc Long quân cho phá núi diệt yêu, núi lở tạo thành hồ có tên là hồ Xác Cáo, sau này là Hồ Tây. Long Quân còn tạo ra dòng người Việt, bình định vùng châu thổ sông Hồng vào thời tiền sử.

Hồ Tây còn có tên là hồ Trâu vàng. Trâu vàng chạy húc vào đất làm sụp thành hồ sau này là làng Húc. Húc xong trâu chạy qua Văn Giang quây thành vũng lớn gọi là vũng Trâu Đầm. Trâu chạy ra bến sông Phủ Lý Nhân tới sông Tô Lịch. Khi ấy Cao Biền cỡi diều giấy thấy trâu chạy về phía Dâm Đàm (nay là Hồ Tây) rồi trâu biến đâu không thấy nữa. Nhân đó hồ có tên là Ngưu hồ hay còn gọi là hồ Trâu vàng (Kim ngưu hồ). Cho nên

người xưa thờ trâu vàng nhằm cầu mong một cuộc sống yên ổn. Thế nên bên cạnh Hồ Tây có miếu thờ Trâu vàng. Miếu bị đổ sập trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

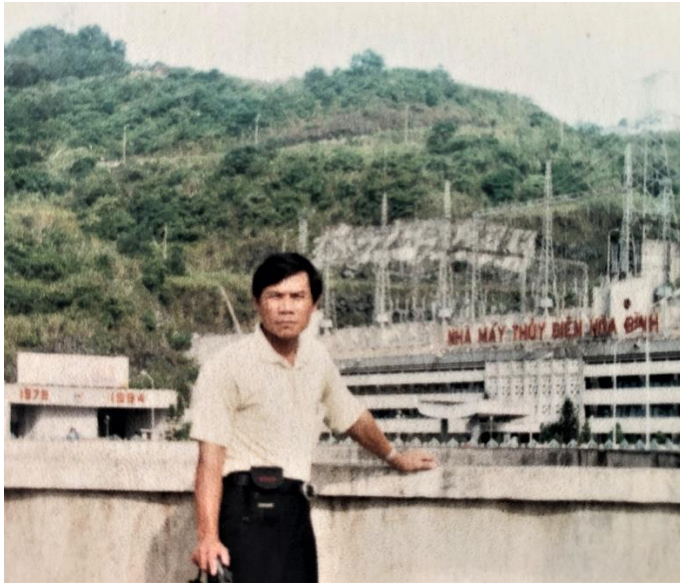
Chúng tôi tha thân giữa trưa dưới trời nắng nóng ở đền Ngọc Sơn, tại đây xem đèn, xem rùa hồ Hoàn Kiếm (Rùa dài 2,2 m rộng 1,2m), người ta làm tiêu bản bỏ vào lồng kính phục vụ khách thăm quan. Hồ Hoàn Kiếm, nơi đây Lê Lợi trả lại lưỡi gươm thần cho Kim Quy sau khi đã hoàn thành việc đánh tan quân xâm lược nhà Minh. Thế nhưng nhân dân còn bảo rằng lưỡi gươm thần còn giấu đâu đấy dưới lòng hồ, có lẽ là một ý thức cảnh giác chẳng ? Ấy thế nên hằng năm, rùa nhô mình lên mặt hồ tha thân vài giờ như báo hiệu thần Kim Quy vẫn còn ẩn khuất đâu đây luôn tìm cách giúp đỡ, chở che cho dân ta giữ nước và dựng nước.

*

Rời Hà Nội lên xứ Mường sương khói, đến ngã tư sông Đà trời mưa nặng hạt. Vào thị xã Hoà Bình trời đã bớt đổ mưa. Sáu giờ chiều chúng tôi vào nhà nghỉ của Tỉnh Hoà Bình.

Tại đây một đêm giao lưu quả là ấn tượng trong suốt cuộc hành trình. Một đêm vui, nhiệt tình, lưu luyến và sôi động. Ở Hoà Bình có đến 70 % người Mường sinh sống nên có thể gọi là xứ Mường cũng chẳng sai. Gặp ba cô gái Mường : Nhiệt, Hằng và Bùi Lệ Thuỳ nhiệt

tình hết muốn, lại xinh xắn nữa. Các cô giới thiệu xứ Mường về Hoà Bình, về Sông Đà về ... rất nhiều câu chuyện chung quanh nhà máy thuỷ điện Hoà Bình.



Tại Thuỷ điện Hoà Bình

Thưởng thức món rượu cần nổi tiếng của xứ Mường. Rượu ngon mời khách quả là hay! Các làn điệu dân ca quan họ, hát lý, các làn điệu dân ca Mường được trình diễn điệu nghệ...

Đêm, đứng trên một cây cầu nhìn lên toàn cảnh nhà máy thuỷ điện Hoà Bình đèn sáng lốm đốm từng vùng. Khi chúng tôi lên, thuỷ điện đang xả lũ. Hồ Sông Đà dài và rộng, dài từ Sơn La, Mộc Châu xuống có đến 200 km nên nước không bao giờ cạn. Hồ Hoà Bình nơi đặt máy thuỷ điện có 7 tỉ mét khối nước.

Thưởng thức món thịt trâu nấu với lá lồm, dạng như dây leo. Rất ngon. Và cơm lam trong ống tre non. Thơm.

17.6.2001

Rượu "Nước Cầm" Hoà Bình, nơi xứ Mường, nơi ra đời trường ca "*Đẻ đất đẻ nước*" nổi tiếng là kho tàng văn hoá dân gian quý giá của cả dân tộc. Trời đã ngưng mưa từ đêm, chúng tôi thăm thủy điện Hoà Bình, hồ sông Đà vĩ đại, hoành tráng. Sông Đà dài 230 km, phát nguyên từ Sơn La, Mộc Châu. Một ngọn núi sừng sững đứng bên hồ thủy điện. Núi không tên nên lấy độ cao mà đặt tên cho núi. Núi 206!

Qua lời giới thiệu của thuyết minh viên, chúng tôi được biết công trình bắt đầu khởi công ngày 2 tháng 9 năm 1971. Ngày ấy mũi khoan đầu tiên đã cắm vào lòng đất. Năm 1976 bắt đầu xây dựng cơ sở hạ tầng. Tháng 6 năm 1979 chính thức khởi công, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đặt viên đá đầu tiên ngăn dòng chảy hung dữ của sông Đà.

Sau 15 năm xây dựng đến 20/11/1994 xong 4 hầm. Để hoàn thành công trình thủy điện lớn nhất Đông Nam Á này đã có 168 người hy sinh, trong đó có 11 người Liên Xô (cũ). Người hy sinh đầu tiên quê ở Hà Tĩnh và người hy sinh cuối cùng sinh tại Nghệ An. Sau khi khánh thành Ban lãnh đạo thủy điện Sông Đà mời nhà báo - nhà văn Thép Mới soạn một bức thư gửi thế hệ mai sau. Bài văn được Bộ Chính trị duyệt xong đặt vào một ống thủy tinh niêm kín - chân không - sau đấy, người ta chôn vào trong một khối bê tông nặng 7 tấn. Mặt trước khối bê tông có ghi dòng chữ: "*Công trình thủy điện Hoà*

Bình, thư gửi thế hệ mai sau” bằng hai thứ tiếng Việt và Nga. Có hẹn ngày mở bức thư là ngày 1/1/2100, nghĩa là đến cuối thế kỷ thứ XXI. Long trọng nhất là ngày đặt bức thư vào trong ống thủy tinh và chôn vào khối bê tông có 30 nước trên thế giới đến tham dự và chứng kiến giờ phút thiêng liêng này. Thủy điện Hoà Bình chính là công trình thế kỷ.

Ở Thủy điện Hoà Bình có tượng Bác Hồ cao 18 mét, có thể nói rằng cao nhất Việt Nam tính đến thời điểm tháng 6 năm 2001. Bác đứng chỉ tay xuống giòng sông. Chuyên kể rằng:

Năm 1962 khi Bác Hồ về thăm Hoà Bình, lúc đi ngang qua giòng sông, Bác chỉ tay và nói:” Khi đất nước hoà bình thống nhất, ta phải chinh phục giòng sông hung hãn này”.

Và nay, theo lời Bác, dòng sông đã được chinh phục bằng công trình thủy điện lớn nhất Đông Nam Châu Á.

Toàn công trình thủy điện có 8 tổ máy, chúng tôi đã nhìn thấy được 5 tổ máy đang vận hành phát điện!

Đến Sông Đà, thủy điện Hoà Bình mới thấy hết sức lực con người và khả năng chinh phục tự nhiên của trí tuệ Việt Nam là vô cùng to lớn. Bất nước làm ra điện phục vụ con người, phục vụ cho nhu cầu mưu sinh cuộc sống. Còn rất nhiều điều lý thú về Thủy điện Hoà Bình như chuyện thần thoại “*Sơn Tinh Thủy tinh*”, chuyện “*Thần núi Tản Viên*”. Chúng tôi đến tìm hiểu thực tế chỉ

vài giờ không thể nào ghi chép hết được những giai thoại thời hiện đại về công trình thế kỷ. Đây là điều đáng tiếc!.

Gởi lại chén rượu phương Nam
Ta đi cung em
Về xứ Mường uống rượu cần chén choáng
Rung rinh ngọn sóng sông Đà

Đêm nay say rượu Bắc phương
Câu quan họ người ơi người ở
Chưa ai về hội còn chưa tan
Uống rượu cần nghe chuyện Sơn Tinh

Đêm sông Đà và ánh sao xanh
Lung linh những ngọn đèn đứng gác
Giòng sông chạy suốt đời không nghỉ
Điện lên đường thấp sáng bốn phương

Về sông Đà nghe chuyện Tản Viên
Mây ngũ sắc vẫn vương đầu ngọn núi
Nghe sóng vỗ âm ào níu trời đất lại
Bâng khuâng nửa ở nửa về.

Về Lăng Cô đã bốn giờ ba mươi phút chiều thứ 2
ngày 18/6/2001. Lăng Cô nóng hầm hập. Qua đèo!

Đà Nẵng, 18/6/2001

